

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22-5-2018

"V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V,
TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mẫn**.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Công Thành**.

Ông **Hồ Văn Hạnh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** ông **Nguyễn Ngọc Lương** – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2018/TLST- HNGĐ ngày 19/4/2018 về “*tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Trà Phương M** - sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Th, xã Thanh B1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Anh **Ngô Minh B** - sinh năm: 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Trung X, xã Trung Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Trà Phương M trình bày như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh Ngô Minh B hình thành trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới ngày 13/2/2017, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng chị sống bên gia đình anh B tại ấp Trung X, xã Trung Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống thì đến 09/9/2017 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chị đã không còn sống chung

từ ngày 13/9/2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh Ngô Minh B.

- Về con chung: chị M và anh B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bảng khai ý kiến ngày 26/4/2018 bị đơn anh Ngô Minh B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và tự nguyện tìm hiểu anh B và Nguyễn Trà Phương M tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới ngày 13/2/2017 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng anh chị sống bên gia đình cha mẹ ruột của anh B tại ấp Trung X, xã Trung Th, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống về vấn đề tài chính gia đình, càng ngày cả hai càng mất tiếng nói chung, gia đình hai bên có khuyên can nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Vợ chồng anh chị đã không còn sống chung từ tháng 9/2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên chị Nguyễn Trà Phương M yêu cầu ly hôn thì anh B đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Trà Phương M và anh Ngô Minh B là vợ chồng.

- Về con chung: chị M và anh B không có con chung, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: chị M và anh B không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị M và anh B không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Trà Phương M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Anh Ngô Minh B không phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn anh Ngô Minh B có đơn xin vắng mặt ngày 26/4/2018, theo quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xem xét đơn xin vắng mặt của anh B và nhận thấy việc vắng mặt anh B không gây cản trở cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Chị Nguyễn Trà Phương M và anh Ngô Minh B chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng ngày 13/2/2017 đến tháng 09/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi với nhau, đời sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Tuy hôn nhân giữa chị M và anh B được hai bên gia đình chấp thuận và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng chị M và anh B không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chị M và anh B không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung của vợ chồng: chị M và anh B thống nhất xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: chị M và anh B thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị M và anh B thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Trà Phương M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Ngô Minh B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 8, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (hiệu lực 01/01/2015); Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Trà Phương M và anh Ngô Minh B là vợ chồng.

- Về con chung: chị Nguyễn Trà Phương M và anh Ngô Minh B thống nhất xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Miễn xét.

- Về tài sản chung: chị Nguyễn Trà Phương M và anh Ngô Minh B thống nhất xác định tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết, Miễn xét.

- Về nợ phải thu, phải trả: chị Nguyễn Trà Phương M và anh Ngô Minh B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, Miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Trà Phương M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008830, ngày 19/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị Nguyễn Trà Phương M không phải nộp thêm.

Anh Ngô Minh B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét phúc thẩm lại./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Kim Mẫn